

Bản án số: **292/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Ông Trần Đức Nhì.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thư Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thục N; Sinh năm: 1998; Trú tại: 292/2 đường BS, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Trần Nh; Sinh năm: 1997; Thường trú: 159B đường PVK, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1).

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14 tháng 02 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thục N trình bày:*

Bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 55 ngày 17/10/2018.

Sau kết hôn, bà N về sống chung bên gia đình ông Nh tại nhà số 159B đường PVK, Phường B, Quận F. Thời gian đầu vợ chồng ông, bà sống với nhau đã không

có hạnh phúc do ông Nh không quan tâm chăm lo cho vợ con, chỉ hành động theo cảm tính, vui thì ở nhà, buồn thì lại bỏ đi qua đêm. Cũng trong khoảng thời gian này, bà phát hiện ông Nh có quan hệ với người phụ nữ khác. Không những thế, ông Nh còn nghe lời rủ rê của bạn bè sử dụng ma túy, vì vậy vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau và mỗi lần vợ chồng gây gỗ thì ông Nh có những lời lẽ xúc phạm bà, thậm chí có lúc đánh bà làm bà cảm thấy rất hoang mang và mệt mỏi, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt. Nhưng vì con, vì hạnh phúc gia đình bà đã nhẫn nhịn và năn nỉ ông Nh nghĩ đến con còn nhỏ mà hồi tâm chuyển ý từ bỏ ma túy và quay về với mẹ con bà, làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn ông Nh tái nghiện và tiếp tục dùng bạo lực với bà. Do quá hoảng sợ nên tháng 8/2019, bà đã đưa con về nhà mẹ ruột tại địa chỉ 292/2 đường BS, Phường H, Quận F sống và chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông Nh cho đến nay. Nay, bà đã quá mệt mỏi và xác nhận không còn tình cảm gì với ông Nh, hơn nữa bà không thể chung sống với người chồng thiếu chung thủy, thiếu trách nhiệm, nên đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nh để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Trần Hoàng T, sinh ngày 07/5/2019 hiện đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì trẻ Thiện còn quá nhỏ (mới 14 tháng), cần có sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa bà có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con nên bà cũng không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thục N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại Bản tự khai và Biên bản làm việc và ghi nhận ý kiến cùng ngày 22/5/2020, ông Lê Trần Nh trình bày:*

Ông Nh xác nhận về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống cũng như về con chung giữa ông và bà Trần Thục N được bà N trình bày tại Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/02/2020 là đúng.

Về mẫu thuẫn vợ chồng, trong thời gian quen biết 01 năm trước khi kết hôn, do bà N có thai nên ông buộc phải làm đám cưới, vì vậy sau đám cưới một thời gian thì ông phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác và bị bà N phát hiện dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, trong lúc nóng giận, không kiềm chế được, ông có đánh bà N. Ngoài ra, ông Nh cũng thừa nhận trước khi quen biết và làm đám cưới với bà N, ông đã sử dụng ma túy và được gia đình đưa đi cai nghiện. Sau khi cai nghiện về, ông không sử dụng ma túy được một thời gian, nhưng sau đó vì buồn chuyện gia đình, thêm bạn bè rủ rê nên ông sử dụng lại. Đến tháng 10/2019, ông bị bắt về hành vi sử dụng ma túy và bị Tòa án nhân dân Quận 6 đưa đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1. Nay, ông xác nhận không còn tình cảm gì với bà N nên đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Lê Trần Nh đồng ý giao con tên Lê Trần Hoàng T, sinh ngày 07/5/2019 cho bà Trần Thục N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Trần Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền công dân (nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về phía bị đơn, Tòa cũng đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và bị đơn cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thục N được ly hôn với ông Lê Trần Nh.

Về con chung: Giao con tên Lê Trần Hoàng T, sinh ngày 07/5/2019 cho bà Trần Thục N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con, đôi bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh đều xác nhận không có, nên không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra cũng như lời trình bày và xác nhận của đương sự tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện: Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trần Thục N thực hiện đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 6 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 17/10/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông Nh đã tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay, bà N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nh có nơi cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Ngày 22/5/2020, Tòa án nhân dân Quận 6 đã tiến hành ghi nhận ý kiến của ông Lê Trần Nh về yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thục N tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, đồng thời tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Nh về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông Nh có đơn xin vắng mặt

trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như xét xử của Tòa án nhân dân Quận 6. Căn cứ Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Nh.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ vợ chồng: Theo bà Trần Thục N trình bày thì từ khi về sống chung với nhau cuộc sống vợ chồng đã không có hạnh phúc do ông Nh sử dụng ma túy và trong những lần vợ chồng gây gổ, ông Nh có những lời lẽ xúc phạm bà, thậm chí có lúc đánh bà. Thêm vào đó, ông Nh còn có quan hệ với người phụ nữ khác và thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm. Do không chấp nhận được cuộc sống chung với người chồng thiếu chung thủy, thiếu trách nhiệm nên từ tháng 8/2019 đến nay, bà đã đem con về nhà cha mẹ ruột sống.

Về phía ông Lê Trần Nh cũng thừa nhận có sử dụng ma túy và có quan hệ với người phụ nữ khác trong thời kỳ hôn nhân và ông xác nhận cũng không còn tình cảm gì với bà N nên đồng ý ly hôn với bà N.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh để tìm hiểu thêm về tình hình thực tế mối quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh và theo kết quả xác minh ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 6 thì mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N, ông Nh là do ông Nh thường xuyên sử dụng chất ma túy.

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng là phải có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng ở bà N và ông Nh đã không có sự yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp xây dựng cho gia đình hạnh phúc. Cụ thể là sau khi về chung sống với nhau, cả hai đã không có hạnh phúc và từ tháng 8/2019 đến nay bà N và ông Nh đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện đôi bên xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân của bà N và ông Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy mà bà N yêu cầu ly hôn với ông Nh là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung: Bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh có với nhau 01 con chung tên Lê Trần Hoàng T, sinh ngày 07/5/2019. Theo như bà N trình bày thì trẻ Thiện đang sống cùng với bà và bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Thiện. Hiện ông Nh đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1 (địa chỉ: Thôn 2, xã ĐăkR'tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông), nên việc bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con là hoàn toàn có cơ sở. Hơn nữa, ông Nh cũng đồng ý giao trẻ Thiện cho bà N nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N là được trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Và theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Nh có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở ông Nh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, nếu ông Nh lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của bà N, thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nh.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà N trình bày có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, giáo dục con chung phát triển toàn diện, nên không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận. Nhưng vì lợi ích của trẻ Lê Trần Hoàng T, khi có yêu cầu của bà N hay ông Nh hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.4] Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh đều khai không có, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thục N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01/01/2015);

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thục N được ly hôn với ông Lê Trần Nh.

- Về con chung: Giao con tên Lê Trần Hoàng T, sinh ngày 07/5/2019 cho bà Trần Thục N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà Trần Thục N tự nguyện không yêu cầu ông Lê Trần Nh cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thục N có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Lê Trần Nh đến thăm con chung. Vì quyền và lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh đều xác nhận không có, nên không xem xét.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Trần Thục N chịu được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0010041 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số: 55, ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thục N và ông Lê Trần Nh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thục N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lê Trần Nh vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Phường 2, Quận 6;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Thị Thùy Liên**